

# Điều khiển NGUYỄN CƯ TRINH với vùng đất Nam bộ (1753 – 1765)

Đỗ Kim Trường

## 1. Vài nét về tiểu sử Nguyễn Cư Trinh

Ông sinh ngày 20 tháng Giêng năm Bình Thân (1716), tên thật là Nguyễn Đăng Nghi, húy là Thịnh, tự Cư Trinh, hiệu Đạm Am, Đường Qua và Hạo Nhiên<sup>(1)</sup>, tại làng An Hòa, nay thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thủy tổ là Trịnh Cam, nguyên quán làng Phú Lưu, huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An. Năm 1527, Trịnh Cam vào nhập tịch ở làng Tiên Nộn, huyện Phú Vang, Thuận Hóa. Con là Trịnh Vinh Phú chuyển sang làng An Hòa, huyện Hương Trà. Hậu duệ đời thứ sáu của Phú là Trịnh Phú sinh ra Đăng Đệ. Đệ là cháu đời thứ bảy của Trịnh Cam, như *Liệt truyện* chép: “Đăng Đệ, cháu bảy đời của Trịnh Cam là người nho nhã, trung chính, văn học sâu rộng”<sup>(2)</sup>. Ông làm việc cần trọng, được chúa Nguyễn Phúc Chu tin dùng, bổ Huấn đạo, rồi thăng Tri huyện Minh Linh, sau triệu về Chính dinh làm ở Văn chức viện và ban quốc tính, đổi sang họ Nguyễn. Đăng Đệ sinh ra Cư Trinh. Lúc nhỏ Trinh nổi tiếng thông minh học giỏi, 11 tuổi đã “hay văn, giỏi thơ, văn chương dồi dào có phép tắc, nổi tiếng ngang với anh họ là Đăng Thịnh”<sup>(3)</sup>. Khoa thi năm Canh Thân (1740)<sup>(4)</sup> đỗ Hương cống (Cử nhân), được bổ làm Tri phủ Triệu Phong. Sau thăng Văn

chức, chuyên soạn văn thư từ lệnh cho chúa Nguyễn.

Canh Ngọ (năm 1750), triều đình cử làm Tuần phủ Quảng Ngãi, tước Nghi Biểu hầu, ông dẹp được cuộc nổi dậy của những người dân tộc Hrê ở Đá Vách (sử cũ gọi là man Thạch Bích). Được chúa ban khen.

Tân Mùi (1751), Nguyễn Cư Trinh dâng sớ tâu trình thực trạng đời sống khốn khổ của nhân dân và bốn điều trần về tệ quan lại, lậu đinh. Sớ dâng lên, chúa không trả lời. Trinh xin từ chức nhưng không được chấp thuận. Chúa Nguyễn triệu về, đổi làm Ký lục dinh Bố Chính. Năm Quý Dậu (1753), người Côn Man (người Chăm ở Chân Lạp) bị chính quyền Chân Lạp ngược đãi, chúa Nguyễn Phúc Khoát cử Nguyễn Cư Trinh làm Tham mưu, cùng Thống suất Thiện Chính điều khiển quân năm dinh (Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ) đi đánh Chân Lạp, đưa người Côn Man về Đàng Trong. Tháng 6 năm Giáp Tuất (1754), ông xuất quân chinh phạt. Quốc vương Chân Lạp Nặc Nguyên bỏ kinh đô trốn chạy. Năm Ất Hợi (1755), ông đưa 5000 người Côn Man về đóng ở vùng núi Bà Đen (Tây Ninh nay). Sau đó cùng Trương Phước Du trở lại đánh, chiếm được bốn phủ Lôi Lạp, Tầm Bôn, Cầu Nam và Nam Vang. Bình Tý (1756), Nặc Nguyên xin

hiển hai phủ Tầm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công). Nguyễn Cư Trinh tâu lên, chúa Nguyễn chấp thuận đồng thời cho nhập hai phủ mới vào châu Định Viễn và giao ông phụ trách.

Đinh Sửu (năm 1757), chúa Võ hỗ trợ quân sự cho Quốc vương Chân Lạp Nặc Tôn giành lại ngôi vua, được chủ quyền đất Tầm Phong Long (vùng đất giữa hai sông Tiền và sông Hậu). Để ổn định an ninh vùng đất mới, Nguyễn Cư Trinh tâu xin dời trị sở dinh Long Hồ từ Cái Bè đến xứ Tầm Bào (thành phố Vĩnh Long nay) và đặt ba đạo Đông Khẩu (Sa Đéc), Tân Châu (sông Tiền), Châu Đốc (sông Hậu). Chúa thuận cho.

Ất Dậu (1765), ông được triệu về Kinh, thăng Lại bộ kiêm Tào vận sứ<sup>(5)</sup>. Tinh tình cương trực, một lòng thờ chúa và không sợ quyền thần, khiến nhiều người kiêng nể. Đến Đinh Hợi (năm 1767), ông mất, hưởng dương 51 tuổi (52 tuổi ta). Chúa Nguyễn Phúc Thuần truy tặng Tá lý công thần, Đặc tiến Trụ quốc kim tử Vinh lộc đại phu Chính trị thượng khanh Tham nghị. Năm Minh Mạng thứ 20 (1839), gia tặng Khai quốc công thần, Vinh lộc đại phu, Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Lại, truy phong tước Tân Minh hầu, cho tòng tự tại Thái Miếu<sup>(6)</sup>.

Là người giỏi thơ văn, sinh thời ông sáng tác nhiều tác phẩm có giá



trị và được nhân dân truyền tụng như truyện *Sãi Vãi*, *Đạm Am thi tập*, *Quảng Ngãi thập nhị cảnh*, họa thơ *Hà Tiên thập vịnh*,... Đánh giá về sự nghiệp chính trị, thơ văn, cùng bản lĩnh, phẩm chất của ông, có ý kiến nhận định: “Rạng rỡ nhất là trong thời gian 11 năm trấn nhậm ở miền Nam (1754 – 1765). Đó là sự nghiệp xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền ở vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát”<sup>7)</sup>. Tuy nhiên, nếu tính từ khi ông và Thiện Chính vào Gia Định (tháng 11/1753) đóng trại, tuyển quân, chứa lương thực, để năm sau (1754) đi đánh Chân Lạp, đến lúc được triệu về Kinh (tháng 6/1765) là 12 năm. Bài viết này tập trung về công lao của Nguyễn Cư Trinh đối với vùng đất Nam bộ trong thời gian trên.

## 2. Nguyễn Cư Trinh với mười hai năm ở Nam bộ (1753 – 1765)

*Năm thứ nhất*, tháng 11 năm Quý Dậu (1753), Nguyễn Cư Trinh đang làm Ký lục tại dinh Bố Chính được phái vào Gia Định, như sử triều Nguyễn chép: “Sai Cai đội Thiện Chính (không rõ họ) làm thống suất, Ký lục Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ sang đánh Chân Lạp. Họ tiến đóng quân ở Ngưu Chử [Bến Nghé], dựng dinh trại (Bấy giờ gọi là dinh Đồn, tức nay là chợ Điều Khiển, thuộc Gia Định), kén quân lính, chứa nhiều lương thực để làm kế khai thác”<sup>8)</sup>. Sự kiện này mở đầu thời gian mười hai năm ông gắn bó với vùng đất Nam bộ.

*Năm thứ hai*, tháng 6 năm Giáp Tuất (1754), Nguyễn Cư Trinh cùng Thiện Chính hầu theo lệnh Võ vương thống lĩnh quân ngũ dinh chinh phạt Chân Lạp, do ước hiệp người Côn Man. Côn Man là những cư dân của vương quốc Champa. Theo sử liệu, tháng 8 năm Nhâm Thân (1692), lợi dụng chúa Nguyễn Phúc Chu vừa lên



Tượng đồng Nguyễn Cư Trinh thờ tại đền thờ Nam phương Linh từ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Ảnh: Hoàng Vũ

cầm quyền, vua Chiêm Bà Tranh đánh chiếm phủ Diên Ninh. Quân chúa Nguyễn do Nguyễn Hữu Kính chỉ huy tiến đánh, Bà Tranh bỏ kinh đô trốn chạy. Một số người Chăm đã chạy sang và được vua Chân Lạp Nặc Thu cho ở gần Lovek. Tháng 3 năm Quý Dậu (1693), chúa Nguyễn Phúc Chu “sai đổi đất Chiêm Thành ra trấn Thuận Thành và đặt trực thuộc quyền cai trị của các quan do phủ chúa bổ nhiệm”<sup>9)</sup>. Người Côn Man “phần nhiều bị người Miên bắt làm nông nô. Đời vua Nặc Nguyên, bọn người Côn Man ấy bị người Chân Lạp giết, cướp của, chúa Nguyễn cho rằng mình có bốn phận bênh

vực người Thuận Thành dân mình, nên năm Canh Ngọ (1750), cùng các quan bàn, lấy cơ ấy, để đem quân sang can thiệp”<sup>10)</sup>. Cũng qua sử liệu, “Cư Trinh tới đâu, giặc đều tan chạy. [Trinh] quan Tân Lê Bắc (tên đất) ra Đại Giang, hội với quân Thiện Chính ở đồn Lô Yêm. Bốn phủ Lôi Lạp, Tâm Bôn, Cầu Nam, Nam Vang đều hàng.

Nặc Nguyên chạy đến Tâm Phong Thâu (tên đất). Cư Trinh bèn sai thuộc tướng đi chiêu dụ người Côn Man để làm thanh thế, gặp mưa lụt, phải đóng quân lại”<sup>11)</sup>. Việc bênh vực người Chăm ở Kongpong Châm, là một sách lược ngoại giao của chúa Nguyễn, trong thế cạnh tranh ảnh hưởng Chân Lạp đối với Xiêm triều.

*Năm thứ ba*, Ất Hợi (1755), khi người Côn Man về đến Vô Tà Ân (Ôn)<sup>12)</sup>, quân Chân Lạp đuổi theo đánh úp, Thiện Chính hầu bị Chăm rừng ngăn trở không ứng cứu được. Nguyễn Cư Trinh “đem năm đội tùy binh đến ứng cứu. Quân Chân Lạp phải

rút lui. [Trinh] bèn hộ vệ hơn 5.000 trai gái Côn Man về đóng ở chân núi Bà Định,...”<sup>13)</sup>. Sau đó, cùng Trương Phước Du dùng người Côn Man làm hướng đạo, trở lại đánh Cầu Nam và Nam Vang. Quốc vương Chân Lạp Nặc Nguyên chạy sang Hà Tiên, nhờ Mạc Thiên Tứ tâu xin hiến hai phủ Tâm Bôn (Long An) và Lôi Lạp (Gò Công), cùng truy nộp cống 3 năm trước.

*Năm thứ tư*, Bính Tý (1756), Khi Nặc Nguyên xin hiến đất và truy nộp cống để chuộc tội, lúc đầu Thế Tông không chấp thuận, Cư Trinh bảm kế “tầm ăn dân” và xin hoạch định lại vùng đất mới, cùng với nhận nhiệm vụ cai quản





Mộ Nghi Biếu hậu Nguyễn Cư Trinh, xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguồn: Di tích lịch sử - Văn hóa lễ hội – Danh nhân Việt Nam

nơi đây, chúa thuận cho<sup>144</sup>. Qua đó, đặt dấu ấn quan trọng của ông đối với công lao mở cõi vùng đất Nam bộ, như có nhận định: “Sau cuộc dùng binh của Nguyễn Thiện Chính và Nguyễn Cư Trinh năm Giáp Dần (1754) và năm Ất Hợi (1755), chúa Thế Tông được thêm đất Tâm Bôn và Lôi Lạp, tức là vùng đất phía nam dinh Gia Định đến sông Cửu Long, đi ngang qua Mỹ Tho, tiếp giáp với châu Định Viễn. Như vậy chúa Nguyễn chính thức có đất từ Gia Định đến Tiền Giang<sup>165</sup>. Nếu sự kiện người Chăm Thuận Thành sang Chân Lạp như trên đã dẫn là một cuộc di cư tự phát, thì việc “hộ vệ hơn 5.000 trai gái Côn Man về đóng ở chân núi Bà Đinh”, cho thấy lần đầu tiên, chúa Nguyễn thực hiện chủ trương phủ biên và nhu viễn, sau này được đặt ra như một quốc sách dưới triều Nguyễn, thể hiện rõ nhất thời trị vì của vua Minh Mạng<sup>166</sup>. Sự kiện này đã đưa đến việc chỉ định cư trú của chúa Nguyễn đối với số người Chăm ở Chân Lạp về. Từ Tây Ninh, họ được bố trí định cư một số nơi tại Nam bộ. Một bộ phận trong số đó, sau khi vượt qua chằm lớn Vô Tà Ổn, được đưa về tạm cư trên vùng đất Hồng Ngự, rồi sinh sống tập trung ở An Giang cho đến nay.

Năm thứ năm, Đinh Sửu (1757), Quốc vương Chân Lạp Nặc Nguyên chết. Chú họ là Nặc Nhuận tạm quyền nhiếp chính.

Quan ngoài cõi xin phong cho Nhuận làm phiên vương để tỏ ân nghĩa và cũng nhằm ổn định biên cương. Chúa Nguyễn buộc Chân Lạp phải hiến hai phủ Trà Vinh và Ba Thắc, rồi mới chấp thuận. Kế đến xảy ra việc Nhuận bị con rể là Nặc Hinh giết để chiếm ngôi. Con cụ vương là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên cầu cứu. Chúa Nguyễn Phúc Khoát phong cho Tôn làm vua Chân Lạp và sai Mạc Thiên Tứ cùng tướng sĩ 5 dinh hộ tống về nước. “Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long. Phúc Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay là thôn Long Hồ, tức là tỉnh lý Vinh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp<sup>171</sup>. Với các sự kiện ở năm thứ tư này, vùng đất phương Nam thuộc chủ quyền của chúa Nguyễn tiếp tục được mở rộng, như nhận định: “Năm Đinh Sửu (1757), để được phong làm vua, Nặc Nhuận đã hiến cho chúa Thế Tông đất Praah Trapeng và Srok Trang, tức là Trà Vinh và Sóc Trăng sau này. Chúa Nguyễn đã sang được miền đông sông Hậu Giang vậy. Rồi Nặc Tôn, nhờ chúa Nguyễn giúp, được lên ngôi vua, dâng chúa đất Tầm Phong Long là đất ở phía bắc Sóc Trăng, tức tỉnh An Giang sau này. Nguyễn Cư Trinh lập đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang,

đạo Châu Đốc ở Hậu Giang. Như vậy, miền đất giữa hai sông Tiền Giang và Hậu Giang và ở phía đông dọc theo hữu ngạn sông Hậu Giang, chính thức thuộc về chúa Nguyễn<sup>181</sup>. Sử quan triều Nguyễn khi đề cập đến những sự kiện trong năm này cũng đã vinh danh ông: “Cõi Nam mở đất đến đây rất rộng, đều là công Cư Trinh<sup>191</sup>”.

Đất Gia Định đường sông nhiều ngả, các thuyền đi lại thường va chạm, sinh kiện tụng. Ông quy định, mọi thuyền phải đi bên tay phải cho thuận lái chèo, những thuyền đi gần nhau phải hô “bát”, thuyền về bến đỗ hay gặp sự cố hô “cạy<sup>201</sup>”. Lại thêm, “thuyền cướp thường tụ chỗ vắng, rình thuyền buôn đi qua để cướp bóc, người buôn rất khổ. Trinh hạ lệnh cho các hạt: phạm thuyền lớn nhỏ, đều phải khắc tên họ quê quán chủ thuyền ở đầu, được quan sở tại làm sổ thuyền để tiện tra xét. Từ đây, kẻ gian không ẩn nấp vào đâu được, trộm cướp phải im hơi<sup>211</sup>. Dời trị sở dinh Long Hồ đến Tầm Bào là vị trí đắc địa, đặt “tam đạo” trấn giữ biên cương, quy định đi lại trên sông, lập bảng “đăng kiểm thủy lộ” trừ nạn thảo khấu là những cứ liệu và xứng đáng với *Liệt truyện* ghi “đều là công Cư Trinh”.

Năm thứ sáu, Mậu Dần (1758). Năm thứ bảy, Kỷ Mão (1759). Năm thứ tám, Canh Thìn (1760). Năm thứ chín, Tân Ty (1761). Năm thứ mười, Canh Ngọ (1762). Năm thứ mười một, Quý Mùi (1763). Năm thứ mười hai, Giáp Thân (1764), liên tiếp trong bảy năm này không thấy sử triều Nguyễn ghi chép về các hoạt động của Nguyễn Cư Trinh. Đến tháng 6 năm Ất Dậu (1765), chúa Nguyễn Phúc Thuần lên nối ngôi Võ Vương, “triệu tham mưu dinh Điều khiển Gia Định là Nguyễn Cư Trinh về, thăng làm Lại bộ<sup>221</sup>. Sự kiện này đánh dấu kết thúc thời gian mười hai năm (1753 – 1765) ông ở Nam bộ. Tháng 5 năm Đinh Hợi (1767), Nguyễn Cư Trinh chết, được tặng Tả lý công thần. Sau truy phong Tân Minh hầu, cho thờ tại Thái Miếu<sup>231</sup>”.



### 3. Một số nhận xét

Năm 1767, Nguyễn Cư Trinh mất, một cuộc đời khép lại với 51 năm tuổi (1716 – 1767), 24 tuổi ra làm quan (1716 – 1740), 27 năm công trận (1740 – 1767), vinh hiển có thừa, danh vọng được người đương thời nể trọng. Vinh dự đó được thể hiện qua các hoạt động của ông lúc sinh thời trên nhiều lĩnh vực. Riêng với mười hai năm ở Nam bộ (1753 – 1765), công lao của ông được sử sách ghi nhận và nhân dân tôn vinh. Đó là dựng doanh trại, tuyển quân, tích trữ lương thực ở Gia Định. Chinh phạt Chân Lạp, hộ tống người Champa về Đàng Trong, thực hiện sách lược ngoại giao của chúa Nguyễn trong thế cạnh tranh ảnh hưởng Chân Lạp đối với Xiêm triều. Góp phần trực tiếp vào việc xác lập chủ quyền đất đai hai phủ Tầm Bôn (Long An) và Lôi Lạp (Gò Công). Đề xuất kế sách “tầm ăn dần” (cũng gọi “tầm ăn dẫu”) trong công cuộc mở đất phương Nam. Hoạch định lại vùng đất mới Tầm Phong Long qua lập tam đạo (Đông Khẩu, Tân Châu và Châu Đốc) để trấn giữ biên cương và di dời trị sở dinh Long Hồ đến vị trí mới. Quy định đi lại trên sông, lập băng “đăng kiểm thủy lộ”, trừ nạn thảo khấu. Tất cả các việc trên thể hiện tầm nhìn chiến lược về kinh tế, chính trị - quân sự của ông. Ngoài ra, còn có xướng họa thơ văn với Tổng trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tứ, tiêu biểu là 10 bài họa vịnh cảnh đẹp Hà Tiên đến nay còn lưu truyền. Trước đó, ông còn được biết đến với vai trò là tác giả của truyện *Sãi Vãi* và sau này có tập *Đạm Am* lưu lại cho đời.

Hơn mười năm giữ trọng trách ở Gia Định (vùng đất Nam bộ) với võ công và văn tài đã kể, chứng tỏ so với một số người đương thời, đóng góp của Nguyễn Cư Trinh có phần vượt trội, như ý kiến đánh giá sau: “Qua các cứ liệu đã nêu cho thấy Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh là một trong những nhân vật lịch sử lớn thời các chúa Nguyễn. Ở ông nổi bật hai phẩm chất văn phu - võ trị. Hai giá trị này thể

hiện ở các hoạt động cụ thể nhưng có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ tích cực cho nhau giúp ông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với đất nước<sup>24)</sup>. Vì thế, các sử quan triều Nguyễn đã dành những dòng trân trọng cho ông: “Cư Trinh ở ngoài biên hơn 10 năm, uy danh lừng lẫy, dân Việt người Man đều mến phục [...] Cư Trinh là người có tài lược, khéo quyết đoán. Những việc ông tâu bày phần nhiều là lời trung, bàn phải. Khi coi việc quân ở cõi Nam, mở đất đai, giữ yên ngoài biên, huân nghiệp hơn người<sup>25)</sup>”.

Nếu Nguyễn Hữu Cảnh là vị tướng đầu tiên xác lập chủ quyền vùng đất Sài Gòn, Bến Nghé, thì Nguyễn Cư Trinh là người đã giúp chúa Nguyễn tiếp nhận vùng Long An, Gò Công, hoạch định vùng đất Tầm Phong Long và hoàn thành công cuộc mở đất phương Nam trong ngót hai trăm năm (1558 – 1757) từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng. Có thể nói, Nguyễn Cư Trinh là người đã lập “sổ đỏ” cho vùng đất Tây Nam bộ trong chủ quyền pháp lý Việt Nam. Nguyễn Hoàng là vị “Anh hùng mở cõi vĩ đại<sup>26)</sup>” và sẽ không quá lời khi nói rằng Nguyễn Cư Trinh cũng là “Anh hùng mở cõi”. Thiết nghĩ với công lao trong mười hai năm của ông đối với vùng đất Nam bộ cũng xứng đáng lắm thay!■

### CHÚ THÍCH:

1. Đỗ Bang (Chủ biên), *Nguyễn Cư Trinh (1716 – 1767), quê hương, thời đại và sự nghiệp*, Nxb. Tri Thức, 2017, tr.6 và tr.315.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1 – 2, Nxb. Thuận Hóa, 2013, tr.109. Xem thêm: *Đại Việt sử ký tục biên (1676 – 1789)*, Nxb. Hồng Bàng – Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Đông Tây, 2012, tr.193.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Sdd, tr.111. Xem thêm: Nguyễn Đăng Mạnh-Bùi Duy Tân-Nguyễn Như Ý (Đồng chủ biên), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam dùng trong nhà trường*,

Nxb. Đại học sư phạm, 2004, tr.358. *Đại Việt sử ký tục biên* có ghi: “Cư Trinh ít tuổi giỏi văn”, Sdd, tr.193. Tác giả *Tâm nguyên từ điển* cũng viết: “Nguyễn Cư Trinh thông minh sớm, nổi tiếng văn chương một thời”. Xem: Bửu Kế - Vinh Cao, Sdd, Nxb. Thuận Hóa, 2002, tr.656.

4. Năm 1740 là năm Canh Thân không phải Canh Thìn như có sách viết. Xem: *Một số nhân vật lịch sử đất phương Nam (2015)*, Nxb. Hồng Đức - Tạp chí *Xưa&Nay*, tr.46.

5. Chức quan thuộc Tào chính ty, trông coi việc vận tải thời Nguyễn.

6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1-2, Sdd, tr.114.

7. Đỗ Bang (Chủ biên), Sdd, tr.66 – 67.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. Hà Nội, 2022, tr.158.

9. Lê Đình Cai, *34 năm cầm quyền của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 – 1725)*, Đàng Trinh xuất bản, 1971, tr.47.

10. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 – 1777)*, Nxb. Khoa học xã hội – Sách Khai Tâm, 2016, tr.335.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr.163 – 164.

12. Võ Tà On có lẽ là vùng Đồng Tháp Mười sau này. Xem: Nguyễn Hữu Hiếu, *Nhìn lại xứ Gia Định và cuộc chiến Tây Sơn – Nguyễn Ánh (1777 – 1789)*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2020, chú thích 1, tr.34 và phỏng định là tên ký âm địa danh Bos Krasang thuộc sork (huyện) Svay Teap, tỉnh Svay Rieng, Campuchia. Xem: Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Phạm Hoàng Quân, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh – SAIGONBOOKS, 2019, chú thích 80, tr.448.

13. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr.164.

14. Xem Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sdd, tr.165 – 166.

15. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong (1558 – 1777)*, Sdd, tr.345.